TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-PT.
Ngày 20 - 02 - 2019.
V/v tranh chấp "quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu.
Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2018/TLPT - DS ngày 05 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2018/DS - ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc Ng, sinh năm 1974 (có mặt).

Cư trú tại: Số B, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Ngọc Ng: Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976. Cư trú tại: Số C, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2018 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà B, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Ngọc S, sinh năm 1950 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Phúc Tr, sinh năm 1958 (vắng mặt).

3. Ông Trương Ngọc M, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số BC, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Trương Ngọc Ph, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số M, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà MA, đường MT, khóm H, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Trương Ngọc Y, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số nhà SM, M, phường N, quận TN, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Thị Phúc Tr, Trương Ngọc M, Trương Ngọc Ph, Trương Ngọc Y: Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976. Cư trú tại: Số C, đường T, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019 (có mặt).

6. Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Địa chỉ trụ sở: Số 79, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Ngọc Ng cùng người đại diện theo ủy quyền của bà Ng trình bày:

Quyền sử dụng đất thửa 66, tờ bản đồ 12, diện tích 29,1m^2, tại địa chỉ: Khóm V, phường M, thành phố Vĩnh Long có nguồn gốc của cụ Lê Thị X. Năm 1989, cụ X làm đơn ủy quyền nhà đất cho con là ông Trương Ngọc S. Ông S đã thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thửa 66 với Nhà nước. Ngày 16/7/2015, ông S được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 theo chương trình đo đạc VLAP. Ngày 29/5/2017, bà Trương Ngọc Ng được cha ruột là ông Trương Ngọc S tặng cho quyền sử dụng đất thửa 66, tờ bản đồ 12. Ngày 26/6/2017, bà Ng đứng tên trang ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617.

Vào khoảng năm 1998, bà Nguyễn Thị L hỏi mượn ông S, bà Ng phần đất thuộc thửa 66 để che nhà tạm làm nhà bếp nấu cơm. Bà Ng nhận thấy, ngôi nhà số 47/13 của bà L chật hẹp, phần đất thửa 66 của bà Ng còn để trống, nên bà Ng đồng ý cho bà L sử dụng nhờ thửa đất 66, xây nhà tạm nấu cơm. Tháng 7/2017, bà Ng

yêu cầu bà L trả lại bà N quyền sử dụng đất thửa 66 thì bà L không đồng ý. Tại Biên bản hòa giải cơ sở do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Vĩnh Long lập ngày 07/7/2017, bà L yêu cầu bà Ng bồi thường thành quả lao động việc bà L san lấp, tu bổ phần đất thửa 66. Bà Ng không đồng ý với ý kiến bà L và khởi kiện yêu cầu bà L tháo dỡ căn nhà tạm gắn trên diện tích 19,9m^2 chiết thửa 66-1 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/01/2018, trả bà Ng quyền sử dụng đất diện tích 29,1m^2 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 12, địa chỉ khóm V, phường M, thành phố Vĩnh Long. Bà Ng không hỗ trợ chi phí di dời tài sản.

- Tại đơn phản tố đề ngày 21/3/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Lý do: Tại đơn xin ủy quyền nhà đất cho con ngày 09/4/1989 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) thể hiện phần nhà, đất cụ Lê Thị X ủy quyền cho ông Trương Ngọc S được nhận nhà, đất chiều ngang 12m giáp mặt tiền đường 30 tháng 4, chiều dài 40m, tổng diện tích 480m^2 và nhà ở 7 căn. Thực tế, phần đất thửa 66 cách mặt tiền đường 30/4 khoảng 55m. Bị đơn cho rằng phần đất thửa 66 không nằm trong phần nhà, đất bà Lê Thị X tặng cho ông S thể hiện tại đơn xin ủy quyền nhà đất cho con ngày 09/4/1989. Bà L cho rằng thủ tục nhận thừa kế của ông Trương Ngọc S từ cụ Lê Thị X là không đúng quy định pháp luật. Bà L có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 cấp ngày 16/7/2015 cho hộ Trương Ngọc S và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ hộ ông Trương Ngọc S cho bà Trương Ngọc Ng vào ngày 29/5/2017; hủy việc bà Trương Ngọc Ng đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 tại thửa đất 66; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đứng tên tại diện tích tranh chấp 29,1m^2.

- Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 17/4/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Ngọc S cùng người đại diện hợp pháp của ông S trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 66, tờ bản đồ 12 của cụ Lê Thị X là mẹ ông S tạo lập từ trước năm 1975. Ngày 09/4/1989, cụ X làm đơn xin ủy quyền nhà đất cho con, nội dung tặng cho ông S nhà và đất, chiều dài 40m, chiều ngang 12m; trên phần đất có 7 căn nhà gồm 02 căn phố, 05 căn nhà vách ván. Cụ thể: về đất tại hẽm 47, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long; về nhà: 02 căn nhà phố số 47, số 49, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long và 05 căn nhà vách ván các số 47/1, 47/2, 47/3, 47/4, 47/5, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long. Ngày 30/01/1993 cụ X chết. Năm 1993, ông S thực hiện đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Năm 2001, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tư liệu VLAP. Ngày 29/5/2017, ông S tặng cho con là Trương Ngọc Ng quyền sử dụng đất thửa 66. Ông S đồng ý theo ý kiến bà Ng trình bày.

- Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Phúc Tr, Trương Ngọc M, Trương Ngọc Ph, Trương Ngọc Y trình bày thống nhất theo ý kiến bà Ng và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt suốt quá trình tiến hành tố tụng.

- Tại văn bản số 1249/UBND-NC ngày 25/6/2018 và văn bản số 665/UBND-NC ngày 16/4/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 66, tờ bản đồ 12 cho hộ ông Trương Ngọc S và chỉnh lý cho bà Trương Ngọc Ng đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 66, tờ bản đồ 12 là đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long không ý kiến gì trong vụ án này, xin vắng mặt suốt quá trình tiến hành tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc Ng.

Buộc bà Nguyễn Thị L giao bà Trương Ngọc Ng một căn nhà tạm khung cột đúc + cột gỗ, mái tole phiro xi măng, không trần, tường lững + tole (hai vách nhờ), nền gạch tàu, diện tích nhà 20,59m^2 trả bà Trương Ngọc Ng quyền sử dụng đất diện tích 19,9m^2, thuộc chiết thửa 66-1, tờ bản đồ 12, địa chỉ: Khóm V, phường M, thành phố Vĩnh Long theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

Đính kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long và Biên bản định giá tài sản ngày 21/12/2017.

Buộc bà Trương Ngọc Ng thanh toán bà Nguyễn Thị L số tiền 4.886.000 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 cấp ngày 16/7/2015 cho hộ Trương Ngọc S; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/5/2017 thửa 66, tờ bản đồ 12 từ hộ ông Trương Ngọc S cho bà Trương Ngọc Ng; hủy việc bà Trương Ngọc Ng đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 tại thửa đất 66; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị L đứng tên tại diện tích tranh chấp 29,1m^2.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí đo đạc định giá, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/8/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Toà cấp phúc thẩm giải quyết:

Sửa bản án sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Ngọc Ng, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L là:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 623617, số vào sổ cấp GCN CH 04305 do ông Tăng T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân thành phố Vĩnh Long ký ngày 16/7/2015 cấp cho ông Trương Ngọc S được chỉnh lý trang 3 tặng cho Trương Ngọc Ng ngày 26/6/2017.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông Trương Ngọc S cho bà Trương Ngọc Ng đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 12, diện tích 29,1m^2, được công chứng ngày 29/5/2017 tại Văn phòng Công chứng Q.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đứng tên tại diện tích tranh chấp 29,1m^2.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà L đồng ý nhận của bà Ng bồi thường giá trị còn lại của căn nhà tạm 10.000.000 đồng với điều kiện bà Ng phải cho bà L 10m^2 đất tại vị trí tranh chấp. Nếu bà Ng không đồng ý theo ý kiến yêu cầu của bà L thì bà L vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bà L yêu cầu trong trường hợp trả lại đất cho bà Ng thì bà Ng phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà 20.000.000 đồng để bà di dời đi nơi khác.

Bà Ng không đồng ý với kháng cáo của bà L. Theo bản án sơ thẩm bà Ng phải bồi thường giá trị còn lại của căn nhà tạm cho bà L số tiền 4.886.000 đồng. Nay bà Ng đồng ý tăng thêm số tiền bồi thường cho bà L là 5.114.000 đồng. Tổng cộng số tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm và tiền đồng ý tăng thêm là 10.000.000 đồng.

Bà H đại diện cho Huỳnh Thị Phúc Tr, Trương Ngọc M, Trương Ngọc Ph, Trương Ngọc Y thống nhất theo ý kiến bà Ng.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Về Thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS năm 2015; Sửa một phần án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trương Ngọc Ng về việc bà Ng tự

nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L về chi phí xây dựng nhà bếp và vật kiến trúc trên phần đất tại thửa 66 với tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2018 bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Đơn kháng cáo của bà L còn trong thời hạn luật định. Bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nên kháng cáo của bà L được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1] Xét toàn bộ các yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Xét thấy, thửa đất số 66 tờ bản đồ 12, diện tích 29,1m^2 tọa lạc tại khóm V, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc từ ông S được nhận thừa kế từ mẹ của ông S là cụ X đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt ngày 11/6/2001, ông S đã thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Khi đo đạc thực hiện Nghị định 60/CP của Chính phủ, theo biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất ngày 19/11/1996 thì các chủ sử dụng đất giáp ranh ký xác nhận ranh giới đầy đủ, đến ngày 16/7/2015 hộ ông S được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29/5/2017 ông S đã lập hợp đồng tặng cho thửa đất 66 này cho con ông S là bà Trương Ngọc Ng đã được chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/2017.

Tại Công văn 1249/UBND-NC ngày 25/6/2018 của Uỷ ban nhân dân thành phố Vĩnh Long xác định quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại thửa 66 của hộ ông S qua các thời kỳ và việc cấp giấy chứng nhận cho hộ ông S, chỉnh lý đứng tên trang 3 cho bà Ng là đúng quy định pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và chỉnh lý trang 3 cho bà Ng là đúng vị trí, không bị sai lệch về diện tích.

Theo biên bản định giá ngày 21/12/2017 tài sản trên đất tranh chấp chỉ có nhà tạm hiện trạng đã cũ, xuống cấp, xây dựng năm 1978, có cải tạo sửa chữa lại, giá trị còn lại 30%, diện tích 20,59m^2. Thành tiền 4.886.000 đồng. Đây là phần nhà độc lập không dính liền với tài sản khác nên việc giao tài sản này theo yêu cầu nguyên đơn là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác định phần đất tranh chấp tại thửa 66 là đất công cộng bà có sử dụng từ năm 1979 đến nay, nhưng bà không kê khai đăng ký và cũng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Phần đất này cụ X và ông S không sử dụng nhưng lại được kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Vĩnh Long thì bà Nguyễn Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 65, tờ bản đồ 12, gắn căn nhà số 47/13 (bút lục 15). Như vậy, bà L đã thực hiện quyền chủ sử dụng đất tại thửa 65 gắn nhà số 47/13 của bà L và không thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thửa 66. Bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh gặp sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan để bản thân bà L không thực hiện được việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thửa 66.

Như đã phân tích trên, Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long xác định đất này cấp cho hộ ông S là đúng quy định và ông S đã tặng cho bà Ng nên bà Ng có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất, phía gia đình bà Ng đồng ý cho bà L ở nhờ trên phần đất này, bà L cũng thừa nhận đất tranh chấp này không phải của bà L, án sơ thẩm buộc bà L trả lại đất cho bà Ng là có cơ sở. Cho nên, không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu kháng cáo của bà L.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Ng tự nguyện hỗ trợ chi phí xây dựng nhà tạm trên đất cho bà L số tiền là 10.000.000 đồng; phía bà L không đồng ý nhận nhưng xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Ng không trái pháp luật và có lợi cho bà L do vậy cần ghi nhận sự nguyện của bà Ng về việc hỗ trợ cho bà L chi phí xây dựng nhà tạm trên thửa đất số 66 với số tiền là 10.000.000 đồng.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trương Ngọc Ng nộp 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Miễn tiền án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L. Do bà L là người cao tuổi.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L. Do bà L là người cao tuổi.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, chi phí đo đạc định giá và quyền, nghĩa vụ trong thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 163, 164, 166, 169, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 97, 100, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 15, 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc Ng.

Buộc bà Nguyễn Thị L giao bà Trương Ngọc Ng một căn nhà tạm khung cột đúc + cột gỗ, mái tole phiro xi măng, không trần, tường lững + tole (hai vách nhờ), nền gạch tàu, diện tích nhà 20,59m^2 trả bà Trương Ngọc Ng quyền sử dụng đất diện tích 19,9m^2, thuộc chiết thửa 66-1, tờ bản đồ 12, địa chỉ: Khóm V, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

Đính kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long và Biên bản định giá tài sản ngày 21/12/2017.

3. Buộc bà Trương Ngọc Ng thanh toán bà Nguyễn Thị L số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 cấp ngày 16/7/2015 cho hộ Trương Ngọc S; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/5/2017 thửa 66, tờ bản đồ 12 từ hộ ông Trương Ngọc S cho bà Trương Ngọc Ng; hủy việc bà Trương Ngọc Ng đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 623617 tại thửa đất 66; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị L đứng tên tại diện tích tranh chấp 29,1m^2.

5. Án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác:

Buộc bà Trương Ngọc Ng nộp 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0002878 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà Ng còn phải nộp thêm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị L.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0003768 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Buộc bà Nguyễn Thị L nộp 1.582.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi hai ngàn đồng) chi phí đo đạc, định giá tài sản để hoàn trả lại bà Trương Ngọc Ng. Do bà Trương Ngọc Ng nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Phiếu thu số 82 ngày 01/12/2017, nên bà Ng được nhận lại số tiền 418.000 đồng (bốn trăm mười tám ngàn đồng) tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và đã nhận xong theo biên bản giao trả chi phí đo đạc, định giá ngày 10/7/2018.

6. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Nguyễn Thị L.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01b;*
- *VKSNDTVL: 02b;*
- *CA TAT: 01b;*
- *TAND TP Vĩnh Long: 01b;*
- *THADS TP Vĩnh Long: 02b;*
- *Đ/sự: 08b;*
- *Lưu: 06 b.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường